UBND THỊ XÃ BUÔN HỒ **THANH TRA THỊ XÃ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /KL-TTr	*Buôn Hồ, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

KẾT LUẬN THANH TRA
Tại UBND phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ.

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-TTr, ngày 15/10/2024 của Chánh Thanh tra thị xã Buôn Hồ về việc thanh tra tại UBND phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ (gọi tắt là Đoàn thanh tra 11). Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 28/11/2024, Đoàn thanh tra số 11 đã tiến hành thanh tra tại UBND phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ.

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra ngày 03/12/2024 của Đoàn thanh tra số 11; ý kiến giải trình của UBND phường Thiện An. Chánh Thanh tra thị xã Kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG:

Phường Thiện An là phường loại II, nằm cách trung tâm thị xã Buôn Hồ khoảng 3 km về phía Nam, chạy dọc theo Quốc lộ 14. Diện tích tự nhiên là: 849.7 ha, có 8 tổ dân phố; với 1.426 hộ, 6.555 nhân khẩu; Về tôn giáo có 721 hộ; hộ nghèo 51 hộ; hộ cận nghèo 77 hộ (theo tiêu chí mới)

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức của phường về cơ bản được bố trí đảm bảo đủ các chức danh theo quy định, tổng số cán bộ công chức phường là 21 người, trong đó: Người kinh 20 người chiếm tỷ lệ 95%, dân tộc ít người 1 người chiếm tỷ lệ 5%.

Trình độ chuyên môn: Đại học: 18 người chiếm tỷ lệ 85%; Trung cấp – sơ cấp: 03 người chiếm tỷ lệ 15%.

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 02 người chiếm tỷ lệ 9%, Trung và Sơ cấp: 19 người chiếm tỷ lệ 90%.

Tuổi đời bình quân: 46 tuổi. Tuổi nghề bình quân: 13 năm công tác.

Số lượng người hoạt động không chuyên trách: 12 người (ở phường là 10 người do kiêm nhiệm 02 chức danh).

B. KẾT QUẢ THANH TRA:

I. Về việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng:

1. Công tác tiếp công dân:

1.1. Việc ban hành các văn bản về công tác tiếp công dân: UBND phường đã ban hành các văn bản về tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, KNPA như: Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND phường về ban hành nội quy tiếp công dân của UBND phường; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 về thành lập tổ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, KNPA tại phường Thiện An.

Tuy nhiên; trong nội dung Quyết định số 21/QĐ-UBND thể hiện thành lập Tổ tiếp công dân bao gồm Chủ tịch là Tổ trưởng, 02 PCT là tổ phó, Công chức Tư pháp, Văn phòng thành viên là chưa phù hợp theo Quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Việc bố trí phòng tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân: Thời điểm thanh tra Ủy ban nhân dân phường đã bố trí một phòng tiếp công dân. Diện tích phòng khoảng 24m^2, đã cử 02 công chức Tư pháp và Văn phòng làm nhiệm vụ tiếp công dân.

1.3. Nội quy và lịch tiếp công dân: UBND phường đã ban hành nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân của lãnh đạo UBND phường được niêm yết công khai theo quy định.

1.4. Kết quả tiếp công dân tại phường: trong kỳ UBND phường đã tiếp 10 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với 10 vụ việc, cụ thể:

Năm 2021: đã tiếp 09 lượt/ 09 vụ việc. Trong đó: Chủ tịch UBND phường tiếp: 09 lượt/09 vụ việc; Bộ phận TCD UBND phường tiếp 0 lượt/0 vụ việc.

Năm 2022: đã tiếp 01 lượt/01 vụ việc. Trong đó: Chủ tịch UBND phường tiếp: 01 lượt/01 vụ việc; Bộ phận TCD UBND phường tiếp 0 lượt/0 vụ việc.

UBND phường đã thực hiện mở sổ theo dõi công tác tiếp công dân theo mẫu quy định. Qua kiểm tra biên bản tiếp công dân của Chủ tịch UBND phường trong năm 2021, 2022 chưa ghi chép đầy đủ để theo dõi theo quy định; Chủ tịch UBND phường tiếp 01 lần /1 tuần *(trong năm 2021 đa số các tháng chỉ thực hiện ghi chép 1 lần/1 tháng, năm 2022 trong tháng 1 thiếu 01 ngày và tháng 2 thiếu 02 ngày).*

Sau các buổi tiếp công dân của Chủ tịch UBND phường chưa có thông báo trả lời vụ việc cho công dân được biết.

1.5. Về chế độ thông tin báo cáo công tác tiếp công dân: đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định, tuy nhiên nội dung báo cáo chưa đảm bảo theo đề cương yêu cầu.

2. Việc tiếp nhận và xử lý đơn thư:

2.1. Tiếp nhận đơn thư:

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022, UBND phường đã tiếp nhận 10 đơn/10 vụ việc (KN 0/0, TC 0/0, KNPA 10/10), trong đó:

- Năm 2021 tiếp nhận 09 đơn/09 vụ việc (KN 0/0, TC 0/0, KNPA 09/09);
- Năm 2022 tiếp nhận 01 đơn/01 vụ việc (KN 0/0,TC 0/0, KNPA 01/01);

Nội dung đơn thư tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực tranh chấp đất đai, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và môi trường.

2.2. Kết quả xử lý đơn thư:

- Đơn đủ điều kiện thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND phường là 10 đơn/10 vụ việc, đã giải quyết 10 đơn/10 vụ việc; UBND phường đã mở sổ tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, KNPA, đã cập nhật kết quả giải quyết.

3. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND phường:

3.1. Việc giải quyết khiếu nại: Trong năm 2021 và năm 2022 UBND phường không tiếp nhận đơn khiếu nại.

3.2. Việc giải quyết tố cáo

Trong năm 2021 và năm 2022 UBND phường không tiếp nhận đơn tố cáo

4. Việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước về khiếu nại, tố cáo:

Trong năm 2021 và năm 2022, Chủ tịch UBND phường đã chỉ đạo, điều hành công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Hàng tháng có lịch tiếp công dân của lãnh đạo UBND phường, hàng năm có tổ chức đối thoại giữa Chủ tịch UBND phường với Nhân dân trên địa bàn phường. Ngoài ra, đã lồng ghép tổ chức quán triệt Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, đồng thời cử công chức liên quan tham gia các lớp tập huấn, các hội nghị quán triệt các Luật do cấp trên tổ chức.

5. Về công tác phòng, chống tham nhũng:

5.1. Công tác quản lý Nhà nước về phòng, chống tham nhũng

- Việc tổ chức quán triệt, chỉ đạo ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm:

+ UBND phường ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 20/01/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 trên địa bàn phường.

+ UBND phường chưa ban hành Kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; Kế hoạch để triển khai Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 22/9/2021 của UBND thị xã về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc theo Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 16/9/2019 của UBND thị xã.

- Việc xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng:

UBND phường phối hợp các ban, ngành tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2018; Luật Phòng, chống tham nhũng….. UBND phường đã tổ chức 02 hội nghị với hơn 200 người tham gia, cấp phát hơn 300 bản tin tư pháp liên quan đến nội dung cần tuyên truyền phổ biến tới Nhân dân. Ngoài ra còn tổ chức tuyên truyền thông qua các hội nghị, các Tổ hòa giải cơ sở và trên đài truyền thanh của phường.

5.2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

- Việc công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị: UBND phường ban hành các Quyết định về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước; công khai quyết toán thu, chi năm ngân sách Nhà nước, quy chế chi tiêu

nội bộ năm 2021 và năm 2022[1]; công khai minh bạch trong mua sắm tài sản công, xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị; công khai minh bạch trong huy động và sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân; công khai, minh bạch thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng như liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai…

- Thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước đối với khoản lương, phụ cấp, công tác phí và các khoản chi khác, theo điều 29 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Thực hiện kê khai tài sản thu nhập theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ: năm 2022 có 22 người của phường thuộc đối tượng phải kê khai TSTN đã thực hiện kê khai TSTN, đạt tỷ lệ 100%; các bản kê khai TSTN đã được công khai tại cuộc họp.

Tuy nhiên, việc kê khai chưa đảm bảo thời gian quy định và kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ phải kê khai lại, làm ảnh hưởng tiến độ chung cho công tác kê khai TSTN trên toàn thị xã.

II. Lĩnh vực tài chính ngân sách:

1. Về hệ thống sổ sách kế toán:

Đơn vị chưa thực hiện mở sổ kế toán đầy đủ để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh. Quá trình kiểm tra có 01 sổ quỹ tiền mặt, đơn vị theo dõi chưa đúng thời gian nghiệp vụ phát sinh dẫn đến sổ quỹ chưa đúng quy định; chưa thực hiện đối chiếu giữa sổ tiền mặt của kế toán với sổ quỹ của thủ quỹ và tiền mặt đảm bảo chính xác, khớp đúng; cuối tháng chưa lập Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt.

UBND phường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để thông qua cấp uỷ Đảng và đại diện các tổ chức đoàn thể phường để làm căn cứ triển khai thực hiện.

2. Về thu, chi ngân sách:

TT	Nội dung	Năm 2022	
		Dự toán được giao và bổ sung trong năm	Thực hiện
A	**Tổng thu**	**10.137.769.000**	**15.830.674.531**

[1] Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND phường về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công cơ quan; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND phường về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công cơ quan; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022; Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách 2022 của UBND phường Thiện An;

1	Thu phí, lệ phí	34.000.000	26.295.000
2	Thu biện pháp tài chính	9.000.000	25.010.000
3	Lệ phí môn bài	45.000.000	58.800.000
4	Thuế giá trị gia tăng	643.000.000	616.562.684
5	Thuế TNCN	322.000.000	340.031.987
6	Thuế nhà đất và SD đất PNN	5.000.000	1.260.696
7	Thu phạt về thuế	1.000.000	27.580.848
8	Thu chuyển nguồn		35.564.154
9	Thu kết dư ngân sách năm trước		22.307.907
10	Bổ sung cân đối ngân sách	5.162.300.000	5.162.300.000
11	Bổ sung có mục tiêu (kể cả bổ sung trong năm)	946.469.000	946.469.000
12	Nguồn thu do Chi cục thuế quản lý thu	2.970.000.000	8.568.492.255
B	**Tổng chi**	**6.507.069.000**	**6.349.377.973**
1	**Chi tự chủ về sử dụng kinh phí QLHC**	**3.982.600.000**	**3.811.619.337**
1.1	Chi quản lý nhà nước	3.744.600.000	3.576.741.277
1.2	Chi quản lý Đảng	90.000.000	86.964.060
1.3	Chi Đoàn thanh niên	17.000.000	17.000.000
1.4	Chi Hội Liên hiệp phụ nữ	17.000.000	17.000.000
1.5	Chi Hội Nông dân	17.000.000	16.918.000
1.6	Chi Hội Cựu chiến binh	17.000.000	17.000.000
1.7	Chi UBMTTQ Việt Nam	80.000.000	79.996.000
2	**Kinh phí không tự chủ**	**1.756.300.000**	**1.693.859.152**
2.1	**Kinh phí sự nghiệp và chi khác ngân sách**	**1.338.000.000**	**1.335.852.352**
-	Chi sự nghiệp văn hóa	52.400.000	52.400.000

-	Chi sự nghiệp phát thanh	32.500.000	32.184.000
-	Chi sự nghiệp thể thao	31.500.000	31.498.052
-	Chi đảm bảo xã hội	73.100.000	72.795.000
-	Chi cho Quân sự	438.000.000	437.856.700
-	Chi cho An ninh	158.500.000	158.351.000
-	Chi sự nghiệp kinh tế	400.000.000	398.914.000
-	Chi sự nghiệp môi trường	80.000.000	79.955.000
-	Chi khác ngân sách	25.000.000	24.898.600
-	Chi quản lý ban ngành đoàn thể	47.000.000	47.000.000
2.2	**Chi trong cân đối thời kỳ ổn định**	**292.000.000**	**288.006.800**
2.3	**Dự phòng ngân sách**	**126.300.000**	**70.000.000**
3	**Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL**	**113.700.000**	
4	**Chi bổ sung có mục tiêu trong năm**	**654.469.000**	**265.646.760**
5	**Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang năm 2023**		**578.252.724**

3. Thu, chi phí, lệ phí và thu chi khác

Đvt: Đồng

TT	Nội dung thu	Tỷ lệ % được trích	Tổng thu	Chi % được trích	Số tiền thực nộp KBNN	Tồn quỹ
1	Phí chứng thực	0%	26.295.000		26.295.000	
2	Phí cư trú	0%	1.933.500		1.933.500	

4. Thu, chi các khoản nhân dân đóng góp và thu khác

ĐVT: đồng

TT	Nội dung thu	Mức thu /hộ/năm	Năm 2022	Ghi chú
1	**Tồn năm trước chuyển qua**		**29.680.130**	
1.1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		28.727.008	

1.2	Quỹ An ninh - Quốc phòng		-797.860	
1.3	Trích % thuế		1.750.982	
2	**Thu trong năm 2022**		**28.146.454**	
2.1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		20.622.000	
2.2	Trích % thuế		376.282	
2.3	Thu tiền trích % quỹ PCBL		6.907.273	
2.4	Trích tiền lãi TK tiền gửi		240.899	
3	**Tổng chi trong năm 2022**		**16.827.264**	
3.1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		14.700.000	
3.2	Trích % thuế		2.127.264	
4	**Tồn quỹ chuyển sang năm sau**		**40.999.320**	
4.1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		34.649.008	
4.2	Quỹ An ninh - Quốc phòng		-797.860	
4.3	Thu tiền trích % quỹ PCBL		6.907.273	
4.4	Trích tiền lãi TK tiền gửi		240.899	

5. Chứng từ thu, chi và sử dụng kinh phí:

5.1. Về thu, chi ngân sách:

Qua kiểm tra chứng từ thu, chi ngân sách của đơn vị năm 2022 đơn vị cơ bản thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Tuy nhiên, việc thực hiện chi ngân sách còn một số chứng từ chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính kế toán cụ thể như sau:

Chi ngân sách Nhà nước năm 2022				
Chứng từ		**Nội dung chứng từ**	**Số tiền**	**Nhận xét**
Số	**Ngày**			
PC 338	30/3/2022	Chi tiền hội nghị tổ chức sơ kết 3 tháng đầu năm 2022 Hội Cựu chiến binh	2.000.000	Danh sách nhận tiền hội nghị không ghi chức danh
125	20/4/2022	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm phục vụ ủy ban và các ban ngành đoàn thể quý I/2022	8.870.000	Hóa đơn bảng photo thiếu bảng gốc, thiếu bảng kê chi tiết kèm theo; hợp đồng không có nội dung chi tiết hàng hóa cụ thể; danh sách nhận văn phòng phẩm người nhận chưa ký
112	18/5/2022	Thanh toán hỗ trợ tiền mua ti vi Trạm Y tế phường	5.000.000	Biên bản bàn giao màn hình ti vi tại Trạm Y tế phường Thiện An chưa thể hiện số lượng, đơn giá và thành tiền; hợp đồng chưa thể hiện nước sản xuất, năm sản xuất.
PC 335	03/5/2022	Chi tổ chức Đại hội Hội cựu chiến binh phường Thiện An khóa VI, nhiệm kỳ 2022-2027	25.770.000	Chi tiền nước uống 5.760.000 đồng không có hóa đơn đỏ

PC 352	14/6/2022	Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của TDP 5 phường Thiện An năm 2022	2.533.000	Thiếu bảng chấm công; Dương Bá Bảng thực hiện sửa chữa đường điện TDP 4 ngày chưa phù hợp
PC 391	05/7/2022	Chi tiền tham gia hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 Hội Cựu chiến binh	1.420.000	So với danh sách nhận tiền hội nghị sơ kết 3 tháng đầu năm 2022 tại phiếu chi 338 thì có 07 người trong danh sách tham gia hội nghị sơ kết 6 tháng và 3 tháng trùng tên với nhau nhưng chữ ký không thống nhất
PC 406	25/8/2022	Chi tổ chức hội nghị sơ kết nông dân 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022	2.135.000	Chi vượt chế độ 25 người x 30.000 đồng = 750.000 đồng (không có chế độ 70.000 đồng/người/buổi)
PC 413	12/9/2022	Chi tiền hỗ trợ cho các TDP tham gia hoạt động vui tết trung thu năm 2022	4.000.000	Thiếu chứng từ thanh toán kèm theo
PC 445	07/11/2022	Chi tổ chức hội nghị sơ kết nông dân 9 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022	2.135.000	Chi vượt chế độ 25 người x 30.000 đồng = 750.000 đồng (không có chế độ 70.000 đồng/người/buổi)
PC 446	09/11/2022	Chi tiền tổ chức hội nghị tuyên truyền 92 năm ngày thành lập Hội nông dân Việt Nam	2.660.000	Tổ chức 01 ngày là chưa phù hợp; chi vượt 26 người x 40.000 đồng = 1.040.000 đồng
PC 440	11/11/2022	Chi khen thưởng danh hiệu gia đình văn hóa tiêu biểu năm 2022	5.364.000	Danh sách khen thưởng chữ ký giống nhau: Bùi Văn Thơ, Lê Đình Thăng, Lê Thị Hường vàTrương Công Sương cùng 1 chữ ký; Nguyễn Đức Nam, Vũ Duy Đông, Bùi Đình Cúc và Đỗ Viết Thạch cùng 1 chữ ký; Trần Văn Nghĩa, Lê Anh Thân và Nguyễn Văn Hải cùng 1 chữ ký
PC 437	11/11/2022	Chi tiền tổ chức hội nghị sơ kết 9 tháng Hội Cựu chiến binh phường năm 2022	1.270.000	Danh sách nhận tiền chữ ký không thống nhất so với hội nghị sơ kết 6 tháng tại phiếu chi 391 (Sơ kết 6 tháng 21 người, sơ kết 9 tháng 11 người so chữ ký 11 người so với 21 người chữ ký không thống nhất nhau)
PC 444	24/11/2022	Chi hỗ trợ tiền trực ban bảo vệ trên địa bàn phường Thiện An năm 2022	5.750.000	Thiếu kế hoạch tổ chức trực; thông báo phân công trực, bảng chấm công thiếu ngày tháng
PC 354	09/6/2022	Chi tổ chức hội nghị họp BCH Hội CCB tháng 06/2022	360.000	Không có chế độ họp ban chấp hành
PC 486	02/12/2022	Chi tổ chức hội nghị họp ban chấp hành tháng 11/2022 Hội cựu chiến binh phường	360.000	

PC 483	22/12/2022	Chi tổ chức hội nghị họp ban chấp hành tổng kết năm 2022 Hội cựu chiến binh phường	360.000	
250	22/12/2022	Chuyển khoản tiền mua bình chữa cháy phục vụ ủy ban	6.600.000	Thiếu danh sách bàn giao công cụ dụng cụ; hợp đồng chưa đóng dấu giáp lai.
263	29/12/2022	Chuyển tiền mua tủ đựng hồ sơ phòng phó Chỉ huy trưởng và Chỉ huy trưởng	9.000.000	Hợp đồng chưa đóng dấu giáp lai; mua tủ chưa thể hiện được chất liệu, kích thước của sản phẩm; biên bản về việc giao tủ đựng hồ sơ cho Ban chỉ huy quân sự phường Thiện An chưa thể hiện được số lượng, đơn giá và thành tiền
301	12/01/2023	Chuyển tiền mua bộ bàn ghế ngồi làm việc cho phòng kế toán, một cửa và phòng địa chính	8.083.800	Nội dung chuyển tiền chưa đúng với nội dung trong hợp đồng thể hiện bàn làm việc; mua bàn chưa thể hiện được chất liệu và kích thước; thiếu biên bản bàn giao công cụ dụng cụ
157	29/7/2022	Trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự phường Thiện An; Hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc ban chỉ huy và cổng, tường rào	126.851.000	+ Chỉ định thầu tư vấn, xây lắp không có KHLCNT được cấp có thẩm quyền phê duyệt + Hợp đồng xây lắp căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP, nhưng làm ko theo mẫu hợp đồng quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BXD; Hợp đồng thi công không yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng là không đảm bảo theo quy định.
	30/9/2022	Sửa chữa đường Nguyễn Tất Thành, TDP 6, phường Thiện An	133.787.000	- UBND phường phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng không tổ chức thẩm định; không thực hiện đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia - Hợp đồng thi công không yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình là không đảm bảo theo quy định. - Giảm trừ: + Chi phí xây lắp: 1.531.000 đồng tính sai khối lượng. + Chi phí khảo sát: 4.486.000 đồng tính sai khối lượng.

5.2. Về phí và lệ phí:

Tổng thu trong năm 2022 với số tiền là 28.228.500 đồng, trong đó phí chứng thực: 26.295.000 đồng và phí cư trú: 1.933.500 đồng, UBND phường đã thực hiện nộp 100% vào kho bạc Nhà nước theo đúng quy định.

5.3. Về thu, chi hoạt động tài chính khác:

- Tồn năm 2021 chuyển sang với số tiền là 29.680.130 đồng;
- Tổng thu trong năm 2022 với số tiền là: 28.146.454 đồng;

- Tổng chi trong năm 2022 với số tiền là: 16.827.264 đồng;
- Tồn quỹ chuyển sang năm sau với số tiền là: 40.999.320 đồng.

6. Về tình hình quản lý tài sản năm 2022: UBND phường đã thực hiện ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2022; cuối năm thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định.

Tuy nhiên trong năm có phát sinh mua sắm tài sản đơn vị không có biên bản bàn giao tài sản theo quy định.

III. KẾT LUẬN NỘI DUNG ĐƯỢC THANH TRA:

1. Việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng:

Ưu điểm:

- UBND phường đã bố trí phòng tiếp công dân, phân công 02 công chức trực tiếp làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên; ban hành các văn bản chỉ đạo về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; niêm yết công khai nội quy tiếp công dân và lịch tiếp công dân của Lãnh đạo phường, đã mở sổ tiếp công dân theo quy định; Chủ tịch UBND phường tiếp công dân đúng quy định. Việc giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh của công dân tại UBND phường được thực hiện tương đối kịp thời và theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

- UBND phường đã ban hành Kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022, đồng thời tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú; việc công khai, minh bạch trong tài chính, ngân sách; công khai minh bạch trong mua sắm tài sản công, xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị; công khai minh bạch trong huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân được thực hiện tốt.

- UBND phường phối hợp các ban, ngành tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2018; Luật Phòng, chống tham nhũng…..

Khuyết điểm:

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu, trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Việc thành lập tổ tiếp công dân là chưa phù hợp theo quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND, ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh Đăk Lăk; chưa ghi chép đầy đủ biên bản tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND phường.

- Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị phản ánh; công tác phòng, chống tham nhũng chưa đảm bảo theo yêu cầu.

- Chủ tịch UBND phường chưa có thông báo trả lời vụ việc sau các buổi tiếp công dân để công dân biết; báo cáo công tác tiếp công dân theo quy định nội dung chưa đảm bảo.

- Chưa ban hành Kế hoạch PCTN năm 2021; Kế hoạch để tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Kế

hoạch triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Việc kê khai tài sản thu nhập hàng năm của đơn vị chậm thời gian quy định và kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ phải kê khai lại làm ảnh hưởng tiến độ chung trong công tác kê khai TSTN trên toàn thị xã.

Những khuyết điểm nêu trên, trách nhiệm chính thuộc về Chủ tịch UBND phường và công chức phụ trách tiếp công dân (năm 2021, năm 2022).

2. Việc thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách; quản lý sử dụng tài sản và các nguồn kinh phí khác

Ưu điểm

- Việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chấp hành các quy định của Luật Ngân sách và Luật Kế toán năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách và Luật Kế toán; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003 và Nghị định số 163/2016 của Chính phủ.

- UBND phường đã xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua cấp uỷ Đảng và đại diện các tổ chức đoàn thể để làm căn cứ triển khai thực hiện. Hàng năm lập báo cáo quyết toán kinh phí kịp thời và đúng thời gian quy định.

- Về thu, chi phí, lệ phí và các khoản thu khác:

+ Tiền thu phí, lệ phí phường đã nộp 100% vào Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định;

+ Các khoản Nhân dân đóng góp phường thực hiện thu, chi đúng quy định.

Khuyết điểm

1. Đối với công tác mở sổ kế toán: Đơn vị chưa thực hiện mở sổ kế toán đầy đủ để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh. Đơn vị có 01 sổ quỹ tiền mặt nhưng theo dõi chưa đúng thời gian nghiệp vụ phát sinh; chưa thực hiện đối chiếu giữa sổ tiền mặt của kế toán với sổ quỹ của thủ quỹ và tiền mặt đảm bảo chính xác, khớp đúng; cuối tháng chưa lập Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt.

2. Đối với chứng từ chi: Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ thủ tục chứng từ và nội dung chi, đối chiếu với các quy định về chế độ, chính sách có liên quan trong thời kỳ thanh tra; việc quản lý, sử dụng và thực hiện chi ngân sách của đơn vị trong năm vẫn còn một số chứng từ chi chưa đảm bảo; các hợp đồng kinh tế về mua sắm và sửa chữa tài sản, vật tư trang thiết bị chưa thể hiện chi tiết nội dung cần thực hiện như: Danh sách nhận tiền tham gia các hội nghị của tổ dân phố chữ ký của cá nhân chưa thống nhất nhau; một số chứng từ chi vượt định mức quy định; hóa đơn mua hàng người mua hàng chưa ký, thiếu bảng kê chi

tiết kèm theo; một số chứng từ thiếu đề xuất, giấy đề nghị thanh toán; chi tiền nước uống tổ chức các cuộc hội nghị và Đại hội thiếu hóa đơn GTGT; sắp xếp chứng từ chưa khoa học, còn để thất lạc hóa đơn mua hàng (thiếu bảng gốc);...v..v.. ..., như kết quả thanh tra ở phần II, những chứng từ chi chưa đảm bảo nêu trên trách nhiệm chính thuộc về Chủ tịch UBND phường, kế toán và các cá nhân có liên quan trong thời kỳ thanh tra. Đối với các chứng từ chi chưa đảm bảo về hồ sơ thủ tục, đoàn thanh tra đã kiểm tra từng nội dung chứng từ và đối chiếu với các văn bản quy định Nhà nước trong thời kỳ thanh tra, trên cơ sở báo cáo giải trình của đơn vị, hầu hết các nội dung chi phục vụ chung cho hoạt động của đơn vị, không có vụ lợi cá nhân và phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, còn một số chứng từ chi chưa đúng quy định, cần phải thực hiện thu hồi với tổng số tiền 6.017.000 đồng, chi tiết như sau:

Chi do tính sai khối lượng chi phí xây lắp và chi phí khảo sát sửa chữa đường Nguyễn Tất Thành, TDP 6, phường Thiện An với số tiền 6.017.000 đồng.

Trách nhiệm này thuộc về Chủ tịch, kế toán UBND phường và các cá nhân có liên quan trong thời kỳ thanh tra năm 2022.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu UBND phường Thiện An

1.1. Chỉ đạo bộ phận tiếp công dân thường xuyên cập nhật, ghi chép, tổng hợp, quản lý và lưu trữ hồ sơ giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, KNPA chặt chẽ, khoa học, báo cáo kịp thời, đầy đủ nội dung theo quy định.

Ban hành quyết định phân công công chức tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở UBND phường đảm bảo theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Thực hiện ghi chép đầy đủ nội dung biên bản tiếp công dân của Chủ tịch UBND phường; báo cáo định kỳ, đột xuất phải đảm bảo nội dung theo quy định.

1.2. Khẩn trương xây dựng Kế hoạch để tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Ban hành Kế hoạch PCTN hàng năm trên địa bàn phường.

1.3. Chủ tịch UBND phường và kế toán có trách nhiệm nộp số tiền 6.017.000 đồng (Sáu triệu không trăm mười bảy ngàn đồng chẵn) chi chưa đúng quy định nộp vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.1097077.00000 của Thanh tra thị xã tại Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ để xử lý theo đúng quy định.

Các chứng từ đề nghị thanh toán ban đầu còn thiếu, qua kết luận thanh tra phải bổ sung đầy đủ đúng quy định.

1.4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra, UBND phường báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra cho Thanh tra thị xã (qua Đoàn Thanh tra số 11) để theo dõi và lưu hồ sơ thanh tra.

1.5. Tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan đến những khuyết điểm đã nêu trên; rút kinh nghiệm và có biện pháp chấn chỉnh trong thời gian tới.

1.6. Lãnh đạo UBND phường Thiện An có trách nhiệm niêm yết Kết luận thanh tra ít nhất 15 ngày liên tục tại đơn vị theo điểm c, khoản 2, Điều 49, Nghị định 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

2. Văn phòng HĐND-UBND thị xã

Đăng tải Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử của UBND thị xã theo khoản 1 Điều 49 Nghị định 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

3. Phòng Nội vụ thị xã

Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND phường Thiện An (thời kỳ năm 2022) liên quan khuyết điểm đã được nêu tại Kết luận này.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021 và năm 2022; việc thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách; quản lý sử dụng tài sản và các nguồn kinh phí khác năm 2022 tại UBND phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ.

Nơi nhận:
- Thanh tra tỉnh (để b/c);
- CT, PCT UBND thị xã (đ/c Y Čing Mlô) (để b/c);
- UBKT Thị ủy (để b/c);
- UBND phường Thiện An (t/h);
- Đoàn thanh tra số 11 (để theo dõi t/h);
- Lưu: TTr.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Minh Quang